

Bài 133. Kinh Tăng Chi | Chương Năm pháp | Phẩm Tikandaki (tt) | Sư Giác Nguyên giảng 24/10/2018

Hôm nay chúng ta học Kinh 144. Tikandaki là dựa vào tên khu rừng Đức Thế Tôn thuyết giảng pháp thoại này.

Bài kinh này, như bao nhiêu bài khác, đều có nội dung rất quan trọng cho người tu học. Tuy nhiên, kinh này với một người tại gia cư sĩ hay người xuất gia đều đặc biệt phải xem là cẩm nang sống đời và tu học.

Chúng ta đã từng nghe giảng Tứ niệm xứ hay Bát Chánh Đạo, Tam học Giới-Định-Tuệ; chúng ta nghe nhiều rồi, ứng dụng đưa vào đời sống thường nhật. Có một điều, trong lúc thực hiện hành trì có gặp một vài điểm trục trặc mà không biết hỏi ai. Đó là Đức Phật ngài dạy một vị tỳ kheo: trong đây là “thỉnh thoảng”, nhưng chữ “kalena kalam” ở đây phải hiểu là “tùy thời, tùy lúc, linh động” mà sống với “tưởng ghê tởm với các vật không ghê tởm”. Có nghĩa là thấy chán sợ trong những gì thiên hạ quanh ta xem là đẹp, ngon, thơm, quý.

Một người cầu đạo giải thoát, dầu là cư sĩ hay xuất gia, khi ngồi trước một mâm ăn vừa ý, ngồi trên một cái ghế, cái giường vừa ý, sở hữu, sử dụng một món đồ vừa ý, thì vị đó luôn luôn sống bằng tâm trạng quán chiếu để không say đắm, ham muốn, đam mê trong những thứ đó. Trong room có lẽ nhiều người nghe thấy ngạc nhiên và sốc: “Làm gì mà dữ vậy! Tôi đâu có phạm giới, tôi đâu có làm gì hại người, đâu có tội lỗi, chỉ một miếng ngon thôi mà tôi không có quyền thưởng thức hay sao?”.

Nhưng tôi nhắc lại: Phật không cấm mình có tâm tham, thích thú trong những sinh hoạt. Nhưng Phật chỉ cho mình biết đó là những cái không nên thôi. Phật dạy rõ ràng: nếu trong từng phút giây mình sống với đam mê, thích thú trong năm dục trần thì coi như mình chỉ kéo dài thêm sanh tử. Đó là một lẽ.

Lẽ thứ hai: vì chúng ta không hiểu giáo pháp và không tin điều mình hiểu, nên chúng ta mới còn có lý do để còn thích thú cái này cái kia, những cái mà đời cho là ngon, là đẹp, là quý, là thơm.

Nên chuyện đầu tiên là vị tỳ kheo thỉnh thoảng biết sống với tướng ghê tởm là như vậy. Chú giải nói: “Đối với những gì thơm ngon, sạch đẹp, quý hiếm thì hành giả nên quán suy niệm bất tịnh, bất mỹ”.

Itthasmim vatthusmim pana asubhaya va pharati.

Nghĩa là đối với những thứ thơm ngon, sạch đẹp, nó không như mình nghĩ. Mọi thứ thơm ngon, sạch đẹp chỉ là những giá trị tương đối.

Cách thứ hai là “Aniccato va upasamharati”: quán niệm tánh vô thường của vạn vật. Hôm nay ta còn trẻ, còn khỏe, cứ cho là ta còn sống lâu, thì ta thấy chuyện thích thú cái này cái kia nó không có cái gì tội lỗi. Nhưng truy ra, còn thích thú, đam mê thì còn sợ mất mát này nọ và bội phần đau khổ khi không có được hay không giữ được chúng. Do đó, hiểu đạo thì nên sống buông bỏ. Nếu tự xét khả năng buông bỏ của mình còn kém thì ta nên hạn chế sở hữu hay sử dụng những gì khó buông bỏ.

Đây nên là câu thần chú xăm lên trán. Vì sao? Vì ta có thể chết bất cứ lúc nào. Ta có thể bị tàn tật, bại liệt bất cứ lúc nào. Những thứ mà ta đam mê, thích thú có thể lìa bỏ ta bất cứ lúc nào. Nếu mình đã có nền tảng tâm thức buông bỏ thì luôn luôn lòng thanh thản, nhẹ nhàng. Còn nếu mình không sẵn tâm lý buông bỏ thì khi gặp chuyện ta khổ dữ lắm. Rất là khổ!

Cách đây không lâu tôi có gặp một cô Phật tử thuộc loại dễ bực điều. Cô có nói với tôi một câu mà tôi nghe lạ. Cô nói khi quen sống túng thiếu, nghèo khó, chật vật thì tự nhiên nó đối qua sung sướng, chuyện đó rất dễ. Nhưng khi mình quen sống tiện nghi, sạch sẽ, thơm ngon mà bây giờ chuyển qua điều kiện sống ngược lại thì nó khó vạn lần.

Cổ không ngờ là cái suy nghĩ đó của cổ đã được Đức Thế Tôn nhắc đến từ 25 thế kỷ trước. Có nghĩa là nếu tự xét thấy khả năng buông bỏ của mình còn kém quá thì nên hạn chế việc sở hữu hay sử dụng những thứ đó. Và các vị nên nhớ rằng Phật không cấm quý vị cư sĩ sở hữu hay sử dụng cái này cái kia, nhưng Phật thương mình, Phật dạy: nếu hôm nay con có chuẩn bị tâm lý, thì chiều nay, khuya nay, sáng mai, ngày mốt, tuần sau, tháng tới mà con bị cái gì đó, con khổ thấu trời thì lúc đó không ai cứu con được. Bởi vì người cứu con chỉ là con thôi. Dầu là chư Phật, Bồ Tát ba đời mười phương, dầu là cha mẹ, vợ chồng, con cái, thân nhân, bè bạn, láng giềng, thầy bạn, tất cả không ai cứu được mình, vì mình vốn dĩ không có được thứ tâm lý buông bỏ. Kinh này sâu là sâu chỗ đó.

Còn đối với những thứ gì mình ghê tởm, đáng sợ thì mình dùng pháp Từ Bi quán:

“Anitthasmim vatthusmim mettaya pharati”.

Hoặc là quán chiếu tánh giả hợp của chúng, thấy gì cũng là lục đại tạo nên:

“Dhatuto upasamharati”.

Đối với cái gì mình thích thú, thấy nó thơm ngon, sạch đẹp, quý hiếm, giá trị thì mình nên dùng quán niệm về tánh bất mỹ, hoặc quán niệm về tánh vô thường.

Bất mỹ là sao? Bất mỹ có nghĩa là không có gì thơm ngon, sạch đẹp. Mình nghĩ tất cả những thơm ngon, sạch đẹp chỉ là những giá trị, những mặc định tương đối ở không gian này, điều kiện hoàn cảnh này, môi trường văn hóa văn minh xã hội này, ở bối cảnh tâm lý này thì cái đó là thơm ngon, sạch đẹp và giá trị. Nhưng nó ở môi trường, bối cảnh, điều kiện khác thì những thứ thơm ngon, sạch đẹp này nó không còn như vậy nữa. Nên quán chiếu như vậy.

Hoặc là quán chiếu tánh vô thường, nghĩa là nó trước đây một phút thì không phải là nó bây giờ. Hoặc nó bây giờ không phải là nó trong năm phút nữa. Luôn luôn quán chiếu như vậy, dầu người hay phong cảnh hay vật.

Thí dụ như bên Thụy Sĩ cảnh nó đẹp như vậy, nhưng vào mùa đông thì triền núi đó, bờ hồ đó vào mùa đông thì tuyết; mùa hè thì coi như căn cối, héo úa; mùa xuân thì xanh tươi, thịnh mậu; mùa thu thì lá vàng rơi khắp lối. Có nghĩa mình thích mùa đông thì qua tới mùa thu, mùa hạ mình thấy nó không còn nữa. Mà mình thích mùa thu, mùa hạ thì mùa đông không còn nữa. Mình thích mùa xuân thì tới mùa hè, mùa đông nó không còn nữa. Đó là quán tánh vô thường.

Đó là đối với những gì mình thương thích, đam mê. Còn đối với những gì mình nhờm gớm, chán sợ thì nên trung hòa cảm xúc: đối với người mình dùng từ tâm; đối với vật mình có thể quán chiếu lục đại. Lục đại gồm đất, nước, lửa, gió, hư không và tâm thức. Tất cả chúng sinh và vô lượng vũ trụ đều được cấu tạo từ sáu thành tố này. Sáu thành tố ấy được gọi là dhatu, tố chất. Đất ở đây được hiểu rộng là những gì cứng, mềm.

Nước là trạng thái tan chảy, ngưng tụ và kết dính.

Như vậy, trong đời sống thường nhật, mình chỉ luôn luôn có hai thứ cảm xúc là thương thích và ghét sợ. Thì ở đây Ngài dạy: muốn sống an lạc hiện tiền và có thể thành tựu giải thoát thì phải biết điều chỉnh cảm xúc, điều chỉnh nhận thức xưa giờ của mình.

Những gì cuộc đời và thiên hạ quanh ta cho là thơm ngon, sạch đẹp, giá trị, quý hiếm, thì mình nên quán chiếu bằng hai phép quán niệm là bất tịnh và vô thường. Còn đối với những gì nhờm gớm, chán sợ thì nên quán chiếu bằng từ tâm, hay quán niệm về bản chất giả hợp của vạn vật.

Thí dụ Kinh Ratthapalasutta, Trung Bộ, ghi rất rõ là về vật chất và cả tinh thần, chỉ sống với những gì là cần thiết chứ không phải chạy theo cái thích. Trong Kinh đó ghi rất rõ: một vị La Hán sẵn sàng bình thân húp hết một thau cháo thiêu mà tâm nhẹ nhàng, bình thân. Bởi vì đối với mình thì mình thấy đó là gớm. Nhưng đối với ngài,

ngài thấy bây giờ nó có thơm phức, có nóng hổi, ngon lành, đặt tiền cách mấy thì nó cũng chỉ là đất, nước, lửa, gió, hư không thôi.

Hư không là khoảng giữa của các nguyên tử, phân tử, điện tử, tế bào, bào tử... Khoảng cách đó được gọi là “hư không”. Bởi vì không có cái khoảng cách thì vạn vật không được khu biệt, không được phân tích, nên phải có yếu tố hư không.

Yếu tố thứ sáu của lục đại là tâm thức. Cây cỏ, núi non, sông rạch... chỉ gồm có năm đại là đất, nước, lửa, gió và hư không. Về chúng sinh thì thêm yếu tố thứ sáu là tâm thức.

Kinh này quan trọng là chỗ đó. Lâu nay không có học Kinh này mình làm gì biết nấy. Chừng qua Kinh này còn dạy thêm cho mình kinh nghiệm sống và kinh nghiệm tu học. Tức là trong những gì mình thích thú, đam mê thì mình có phép quán niệm về bất mỹ và vô thường. Còn trong những gì mình chán sợ, nhờm gớm thì mình an trú vào từ tâm, hay quán từ tố chất của vạn vật.

Sống biết quán chiếu vậy để lòng luôn thanh thản khi sáu căn tiếp xúc sáu trần. Thanh thản đây gọi theo thuật ngữ “chalangupekkha”, là sự trú xả trong sáu trần. Nói cho dễ nhớ, tu hành là làm sao giữ được chalangupekkha trong cái salayatana.

Chalangupekkha = sự thanh thản khi sáu căn tiếp xúc sáu trần. Chala: số 6; anga = portion, item, unit = thứ, món; upekkha = equanimity = sự bình thản.

Salayatana = sáu căn.

Bữa nay mình học thêm hai thuật ngữ vô cùng quan trọng. Hỏi tu hành là làm cái gì, mình Nam Tông mình phải biết chữ Pali chứ. Mình nói: “Tui được học tu hành là làm cái hành trình làm sao giữ được cái chalangupekkha trong cái salayatana.”

Nếu trong chỗ thân tình chí ái, trong đạo nghĩa sư đồ, thì phải nói là tôi phải bắt buộc quý vị học thuộc lòng thuật ngữ này. Phải thuộc lòng chớ không thể nào “nhớ được thì tốt”. Phật pháp không phải là cái nhớ được thì tốt, mà anh phải học thuộc lòng!

Bài Kinh này sâu vậy đó. “Kalena kalam” có nghĩa là phải biết tùy lúc linh động, hoặc phải biết kịp thời để sống buông bỏ trong thứ mình đam mê và bao dung, thanh thản trong đối tượng mình thấy ghét sợ. Cho nên trong Kinh này nói đầu mình không phải là vị La Hán nhưng giống y chang vị La Hán:

“Chalangupekkha cesa khinasavassa upekkhasadina na pana khinasavupekkha” = Làm đúng Kinh này thì đầu chưa là La Hán ta cũng được thanh thản như La Hán.

Trong Kinh Nhất thiết lậu hoặc, Trung Bộ, ghi rằng người tu hành nên tránh chỗ không thích hợp, tránh người và vật không thích hợp với đời sống và cuộc tu của mình. Nhưng theo Kinh này thì trong trường hợp không tránh được, ta vẫn có cách thích nghi với chúng theo hai cách vừa học ở đây. Phật pháp mênh mông là chỗ đó. Chớ chư Phật không có đẩy đệ tử vô chỗ chết.

Trong Kinh Tứ Niệm Xứ, đức Thế Tôn gom gọn lại tất cả phiền não vào trong có hai thứ. Đó là thương và bất mãn: tham và ưu. Tham là thương thích; ưu là bất mãn.

Ở đây, vị tỳ kheo tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm, quán thân trên thân để diệt trừ tham ưu ở đời. Có nghĩa là toàn bộ phạm phu chúng ta trong đời sống chỉ có hai chuyện: thích thú hoặc bất mãn, chống đối, tổng khứ, trốn chạy. Cái nào mình thích mình gom vô, thu gom hoặc theo đuổi. Cái nào mình ghét thì mình trốn chạy, tổng khứ, xua đuổi, chối bỏ. Chỉ có vậy thôi.

Hai chữ “tham, ưu” đó ứng với bài Kinh này. Trong room này tôi cũng đã nói không biết bao nhiêu lần. Tôi nói các vị về mà tự thấy mình dốt quá thì tự mình định nghĩa bốn chữ thôi là tu được. Đắc thánh bằng bốn chữ này. Định nghĩa bốn chữ này thôi là tu được: thích, ghét, buồn, vui.

Hạnh phúc là có được cái mình thích, có được cái mình muốn.

Đau khổ là phải chịu đựng cái mình không muốn.

Tại sao có thích, có ghét? Vì thích ghét đến từ ba điều kiện. Ba điều kiện làm nên tâm trạng thích hay ghét là: tiền nghiệp, nghiệp thiện ác quá khứ; khuynh hướng tâm lý; và môi trường sống hiện tại.

Như vậy, chỉ định nghĩa bốn thứ thôi: hạnh phúc, đau khổ, thích và ghét là mình tu được.

Cũng là một cha một mẹ, cùng lớn lên trong một căn nhà, ngủ chung giường, ăn chung mâm, nhưng nếu là con gái thì mình có những sở thích không giống mấy anh em trai trong nhà. Cái mà đẩy mình làm thân con gái chính là tiền nghiệp. Chính tiền nghiệp đẩy mình làm thân con gái ở trong ngôi nhà nghèo khó hay trung lưu, thượng lưu.

Thứ hai là khuynh hướng tâm lý. Hai người đều có tiền nghiệp tương tự nhau, sanh vô gia đình giàu có như nhau, đều có sức khỏe, có ngoại hình ngon lành, nhưng khuynh hướng tâm lý lại khác nhau. Một người thích ăn ngon, một người thích mặc đẹp. Một người thích sưu tập, một người thích du lịch. Đó là do khuynh hướng tâm lý.

Thứ ba là môi trường sống. Cùng là người Việt Nam, cùng là phụ nữ như nhau, nhưng một người sống ở châu Á, một người sống ở châu Mỹ. Mà ở châu Á nó lại khác, một người sống ở Campuchia không giống một người sống ở Singapore. Một người sống ở Việt Nam không giống người sống ở Nam Hàn. Một người sống ở Trung Quốc không thể nào giống một người sống ở Nhật Bản. Các vị có hiểu không ta?

Tôi giả định một cha một mẹ đó, nhưng do tiền nghiệp và khuynh hướng tâm lý không giống nhau. Rồi bên cạnh còn do môi trường sống. Chính ba cái này cộng lại làm cho chúng ta thích cái này, ghét cái kia không giống nhau.

Tôi nói thêm, muốn hiểu sâu Kinh này là phải kết hợp tối thiểu Kinh Nhất thiết lậu hoặc và Kinh Đại Niệm Xứ. Cái này sâu dữ lắm. Tức là toàn bộ đời sống chúng ta chỉ

quần quanh có hai thứ là thích và ghét.

Chính cái thích ghét nó tạo ra hạnh phúc và đau khổ

Xin thưa với bà con một chuyện. Tuần sau chúng tôi đi về Thái 3 tuần để, xài từ rất bình dân, là thực tập chánh niệm trong ba tuần. Sau đó đi Miến Điện một tuần cũng để làm cái việc cho chúng ta, tôi và quý vị, để đầu năm tới chúng tôi có thể trở lại Miến Điện. Có nghĩa là tổng cộng 4 tuần. Chúng tôi chỉ còn 1 tuần ở châu Âu thôi.

Thông báo này chỉ nhằm hai mục đích: một là để bà con biết vì đâu mình bị gián đoạn 1 tháng. Thứ hai nữa để tránh bà con có hoang mang hiểu lầm, nói là chắc ông đi chơi, cái đó là oan mạng. Thứ ba nữa là chúng tôi mong sự gia trì của đại chúng, cầu nguyện của đại chúng, chúc phúc của đại chúng để cho công việc trôi chảy, coi như chúng ta sẽ có một ngày và gặp nhau bên Miến Điện và như ý.

Cách đây không lâu chúng tôi nhận được phản hồi từ những người quen, chúng tôi vừa buồn vừa vui. Buồn ở chỗ là tất cả đều nói với chúng tôi là: “Con sắp về hưu rồi. Con chỉ thêm một chỗ mà con không có lo cái gì hết để con được sống trọn vẹn với những gì con hiểu về Tứ Niệm Xứ. Con chỉ mong chừng đó thôi”.

Bây giờ có rau ăn rau, có cháo ăn cháo. Miến là chỗ đó đừng có quá nóng quá lạnh, nó hơi ngật nghèo. Môi trường Miến Điện nó ngán quá đi, bản thân tôi cũng ngán thiệt. Tôi thêm có một chỗ mà mình có thể ăn rau luộc chấm nước tương cũng được, miễn là ăn theo khẩu vị của mình, ăn đồ nóng. Chứ còn kiểu Miến Điện coi như dầu mỡ mà nguội ngắt, mà ruồi thì con nào con nấy như chim sẻ mà bay lượn lờ. Tôi thấy tôi ngán quá. Cho nên mình phải có chỗ riêng cho người mình.

Và tôi nhắc lại, muộn lắm là 60 là bà con phải có chỗ rút. Như chúng tôi năm nay là tròn 50, lý do muốn rút sớm là để chuẩn bị cho mấy người 60 đó. Chớ đúng ra là càng sớm càng tốt, mà dĩ nhiên là phải có cái Pháp học, có giáo lý trước.

Mà tuổi đời nó không chờ mình đâu quý vị. Cái tuổi người mình nó không tính bằng con số được nghe, mà phải tính trên thể chất mình khỏe, mình đau. Còn chưa kể đến những bất trắc như tai nạn, hay là những cái nan y mình không biết nó có lúc nào. Người biết Đạo không nên tính tuổi bằng con số. Chỉ nên tính tuổi bằng hai khía cạnh thôi:

Một là mình đã học, đã hành được bao nhiêu trong giáo pháp.

Thứ hai là thể chất mình như thế nào, nó đang trong tình trạng như thế nào.

Thí dụ bây giờ quý vị 50 tuổi mà giáo lý dốt quá, hành Tứ Niệm Xứ thì chưa có ngày nào hết, thì quý vị phải hiểu ngầm là mình trẻ rồi. Phải hiểu như vậy!

Cho nên sẵn thừa với bà con là để tùy duyên, coi chủ nhật tới chúng tôi có đủ sức không, nghỉ để mà bay chứ. Chúng ta nghỉ một tháng.

Sẵn đây chúng tôi cũng nói luôn, chúng tôi không có nhận bất cứ gởi gắm tài chánh nào. Không có nhận, vì nhận rồi lời ong tiếng ve, mệt lắm! Thứ nữa nhận rồi mắc công mà mình cũng không được cái gì mà nặng lòng lắm.

Bà con có ngon thì mua con heo đất á. Cứ mỗi lần có tác ý, có chủ tâm cúng dường thì bỏ vô heo. Mai này đích thân mình bay qua bên đó. Thiếu gì chuyện mình làm: đào giếng, làm đường, điện nước, rồi bàn ghế cho tăng sinh, cho hành giả, rồi thùng thau nồi chảo cho thiền viện. Nhiều lắm quý vị, nhiều lắm, nhiều chuyện để quý vị tốn tiền lắm. Cho nên quý vị không cần gởi ai hết. Đích thân mình đi cho nó sang.

Tôi trở lại bài Kinh này. Đức Phật ngài dạy đời sống của chúng ta đều là sang hèn, lão ấu, trí ngu, già trẻ bé lớn, chỉ gói gọn trong hai tình huống: là sống đối diện với cái mình thích và đối diện với cái mình ghét sợ.

Thì Ngài dạy, đối với cái mình thích, mình nên dùng hai phép quán niệm: là quán niệm cái bất mỹ, bất tịnh và quán niệm tánh vô thường để lìa bỏ cái ưa thích, đam mê.

Trường hợp thứ hai, trong Kinh Ngài dạy rằng đối với những gì mình chán sợ, bất mãn, thì mình nên sống bằng hai pháp quán: từ tâm và quán lục đại, để thấy tất cả là giả hợp, để thấy tất cả mọi giá trị, mọi mặc định của cuộc đời chỉ là tương đối.

Tôi nói lại một lần nữa, đối với người cầu đạo giải thoát thì cái đáng sợ nhứt chính là cái phiền não của mình. Và cái đẹp nhứt mà mình nên và có thể để ý chính là cái thiện pháp của mình. Ngoài thiện pháp ra thì không có cái gì đáng để mình đam mê hơn. Ngoài pháp bất thiện ra cũng không có gì đáng để mình ghét sợ, nhờm gớm hơn. Nhớ câu “thần chú” này:

“Ngoại trừ thiện pháp ra, không có gì đáng để mình phải lưu tâm. Ngoại trừ ác pháp ra, thì không có gì đáng để mình phải ghét sợ”.

Có thể sau bài giảng này bà con thấy chuyện đó hơi gây sốc: “Sao kỳ, Sư bắt sống gì kỳ vậy!”. Nhưng mà từ từ nó ngấm, nó thấm ra: “À thì ra, cái chỗ nó dơ cách mấy, cái vật khó nuốt, khó ngửi cách mấy, nó vẫn không có tệ hại bằng phiền não của mình”.

Bởi chính cái phiền não hôm nay chúng ta mới gặp 5 trần bất toại. Mà ngoài thiện pháp ra thì không có trần cảnh nào đáng để mình lưu tâm. Vì sao? Là vì chính thiện pháp đã tạo ra các trần như ý. Thiện pháp là gốc của hỷ lạc, là gốc của tất cả cái gì mình vừa ý, mình thương thích.

“Nhân lành thì nên tu, nhưng quả lành thì không nên đam mê.

Nhân ác thì nên tránh, nhưng quả ác mình cũng không nên chán sợ, mà nên an trú trong từ bi quán và giới quán, quán tố chất = dhatu”.

Có nghĩa là hoàn cảnh nào mình cũng tu được hết. Tu hành là phải có kham nhẫn, có tinh tấn, có chịu đựng. Nhưng trí tuệ của người tu không đẩy mình đi kiếm chỗ khó mà đút đầu vô. Tuy nhiên, trong trường hợp tránh không được thì người tu vẫn có thể an nhiên, thanh thản với môi trường, với điều kiện và hoàn cảnh trước mắt. Đó là thái độ của người tu.

Đạo Phật là đạo trí tuệ. Tôi ớn nhứt người thuộc lòng một hai câu rồi theo đó rồi nói tu hành là phải nhẫn, tôi mệt lắm!

Các vị coi lại bài Kinh số 2 của Trung Bộ, “Nhất thiết lậu hoặc”, trong đó Đức Phật dạy rất rõ. Ngài dạy có 7 cách đối phó với phiền não, trong đó “nhẫn” chỉ là một trong 7 cách thôi. Ngài dạy có trường hợp mình phải gồng mình chịu đựng. Có trường hợp phải bỏ đi. Có trường hợp phải quán chiếu thông suốt nó. Có trường hợp chúng ta phải giải quyết thỏa đáng vấn đề.

Thí dụ như một số nhu cầu vật chất: đói quá, lạnh quá, bệnh quá, đau đớn quá. Đói quá thì phải ăn, chứ không phải đói rồi ngồi đó gồng. Nhưng là đến một mức độ nào đó, chứ không phải nói tu là đáp ứng nhu cầu của thân tâm. Phải đến một chừng mực nào đó. Mình trung đạo mà. Mình không nhắm mắt chịu theo đòi hỏi của thân tâm, nhưng cũng có trường hợp phải nhường nó ba bước.

Tu tâm như dạy con nít. Tu tâm y như chăn dạy bò. Có trường hợp mình chiều nó, cũng có lúc mình phải làm lơ hoặc cương quyết bắt nó khuất phục.

Hành trình tu tập của hành giả y như chăn trâu trong tranh “Thập mục ngư đồ” của Bắc Tông. Buổi đầu đi tìm trâu như mình quan sát vọng niệm của mình. Đến lúc tìm được trâu rồi, ban đầu trâu đen thui sinh không. Mình chăn dắt nó đến lúc sinh bùn rớt sạch sẽ, cuối cùng lộ ra là con trâu trắng.

Hành trình tu chứng là lúc đầu đi tìm trâu. Sau trâu đen thành trâu trắng. Cuối cùng mất trâu, chỉ còn người. Cuối cùng người trâu đều mất.

Có nghĩa hồi đầu mình không biết Đạo, mình thấy có tôi, có cái của tôi. Khi biết Đạo rồi, mình đi lên bước nữa là thấy danh lợi, tình cảm, quyền lực không nghĩa lý gì hết. Cái quan trọng chỉ là thiện pháp. Nhưng mình còn bị kẹt ở chỗ khác: đó là “tôi có chánh niệm, tôi có thiền định, tôi có trí tuệ”. Nghĩa là mình bỏ danh, bỏ lợi nhưng lại chấp vào cái khác.

Phải tiếp tục tu tập nữa đến một lúc nào đó mình thấy rằng thiện pháp vừa biến mất, ác pháp vừa biến mất, thấy được tánh sanh diệt. Sẽ có một ngày mình thấy không còn ai tu tập. Ở đây chỉ có chánh niệm. Ở đây chỉ có phiền não, có tham sân si nó tiếp nối nhau, thừa tiếp nhau sanh diệt. Ở đây không hề có người nào tu hết, chỉ có sự tiếp nối của thiện và bất thiện. Lúc đó cả người và trâu đều mất là như vậy.

Hồi đầu còn có người tu, còn có lý tưởng tu. Đến một lúc nào đó không còn ai tu. Đây chính là lý do vì đâu trong Kinh có câu này:

“Chỉ có cái khổ chứ không có ai chịu khổ. Chỉ có con đường dẫn đến đau khổ chứ không có ai là người tạo khổ. Chỉ có sự chứng ngộ chứ không có người chứng ngộ. Chỉ có con đường hành trì chứ không có hành giả hành trì”.

Người không biết Phật pháp nghe câu này rất là kỳ. Nếu không hiểu câu này thì các vị đọc Bát Nhã Tâm Kinh không hiểu đâu. Thấy “Không sắc, không thanh, không vị, không xúc. Không vô minh, không lão tử. Không chứng đắc, vô sở đắc, vô sở chứng”. Mà hễ còn đam mê trong đó là còn mắc dính vào trong cái điên đảo mộng tưởng. Mục đích tu hành là để viễn ly điên đảo mộng tưởng.

Hồi đầu mình còn chấp danh, chấp lợi, chấp nhan sắc, tiền bạc, quyền lực. Nhưng sau đó còn chấp cái khác, là những giá trị tâm linh. Nhưng dần dần mình thấy ở đây không còn lối hiểu Bốn Đế như ngày xưa nữa. Ngày xưa còn có thân của tôi là Khổ đế, tâm tham của tôi là Tập đế. Sự giải thoát của tôi là Diệt đế. Sự hành trì của tôi là Đạo đế. Lúc nào cũng có cái tôi to đùng gắn liền trong đó. Nhưng sẽ có một ngày mình không thấy có cái vụ “tôi, mình” ở trong đó. Ở đây chỉ có Khổ, chỉ có Tập, có Diệt, có Đạo thôi. Nhân ngữ câu vong: trâu và người mất.

Mất ở đây là sao? Mất đây không có nghĩa là trở về không. Mà nó đi đến bước cuối cùng là “thùy thủ nhập triền”, thông tay vào chợ. Có nghĩa: “Lúc đầu mình thấy sông núi là sông núi. Biết Đạo rồi, hành Đạo rồi thì thấy sông núi không phải là sông núi mà chỉ là đất, nước, lửa, gió. Đi thêm bước nữa thì thấy sông núi trở lại là sông núi”.

Nhưng lần này mình nhìn nó bằng sự thanh thản của một người đã ra ngoài cuộc chơi u mê.

Có hiểu chỗ này không ta? Có nghĩa cái biết hồi đầu thấy sông núi là sông núi, chợ búa, con người là chợ búa, con người. Đi thêm bước nữa sẽ thấy rằng những ý niệm đó là “điên đảo mộng tưởng”. Nhưng khi chứng ngộ rồi thì mình trở lại đời sống bình thường. Có nghĩa là vẫn đói ăn khát uống, nhưng lần này sống thì “cư trần bất nhiễm”. Có nghĩa là sống cũng thấy, cũng nghe, ngửi, nếm, đụng, nhưng trước cái mà mình thấy thích thì mình an trú vào niệm bất mỹ, vô thường. Trước cái mà người ta ghét, sợ, gớm thì mình an trú vào từ tâm, vào cái phép quán niệm các tổ chất.

Tức là trần cảnh cỡ nào chúng ta cũng có cách để giữ lòng thanh thản, cái lòng thanh thản của người biết chuyện, chứ không phải lòng thanh thản của người vô tri. Nhớ cái đó.

Bài Kinh này nó sâu lắm. Kinh nào thì cũng sâu, nhưng bài Kinh này, trong room nếu có ai mà tri kỷ tri âm thì tôi xin người ấy ghi note, đánh dấu Kinh này, để mai kia trong một ngày không xa lắm, tôi và quý vị sẽ làm một quyển Phật ngôn trích diễm. Mình tu tập Phật giáo nguyên thủy mình không có chủ trương tụng niệm. Tuy nhiên mình nên có một cuốn để thu gom những bài Kinh ngắn gọn, có nội dung cấp thiết cho chuyện tu học, cho cả trong đời sống thường nhật. Thì đây, bài Kinh Tikandaki này đáng được nằm trong quyển sưu tập ấy. Rất là đáng bà con làm chuyện đó.

Cứ lâu lâu bà con nhớ dùm tôi, Kinh nào tôi cũng quý, cũng thờ lạy trên đầu hết, nhưng lâu lâu tôi cứ nói: “Kinh này nghe, Kinh này bà con nhớ ghi lại, mới một mình làm sưu tập nhỏ nghe...”. Mà không phải mình tôi không đâu quý vị. Phật giáo Thái Lan đã làm chuyện đó rồi, nhưng đó là chuyện của người ta. Rồi Phật giáo Âu Mỹ người ta cũng đã làm rồi, làm cái cuốn như là “Lời Phật dạy” gì đó. Nhiều lắm quý vị, nhưng Việt Nam mình cho đến hôm nay tôi chưa thấy quyển nào mà “đã”, mà “sướng, phê” hết. Mà bài Kinh 144 này đáng được nằm trong quyển sưu tập ấy.

Bài Kinh 145 – Con đường đến địa ngục – Nirayasuttam

Bài Kinh này muốn giảng rộng thì giảng, mà muốn khỏi giảng cũng được. Ngài dạy rằng có nhiều điều kiện để đẩy người ta vào địa ngục, trong đó có điều kiện là vi phạm 5 giới. Vi phạm 5 giới cũng đủ đẩy người ta vào địa ngục: sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, sử dụng các chất gây say.

Tại sao phạm 5 giới này là điều kiện đẩy người ta vào địa ngục? Rất đơn giản. Tôi giảng gọn thôi nhưng đủ để bà con bỏ túi.

1. Giới sát sanh

Vì sao sát sanh là tội đẩy người ta vào địa ngục? Vì muôn loài ai cũng ham sống sợ chết, dầu cho họ khổ cách mấy họ cũng sợ chết. Người sướng, giàu, đẹp sợ chết thì khỏi nói, còn người đau khổ, xấu xí, dốt nát, nghèo nàn, đời sống thê thảm cũng sợ chết. Đa phần chúng sanh không có nỗi sợ nào trên đời này lớn và dễ sợ cho bằng sợ chết. Đành lòng lấy đi cái mạng của người ta thì đây là tội ác.

Con trâu, con bò, cá, cua không biết nói, chớ nếu nó biết nói nó sẽ hỏi mình một câu rất khó trả lời. Nó hỏi là: “Nếu bây giờ you bị giết để ăn thịt, you có chịu không? Tui với you không thù, không oán, không nợ, không nần mà you lấy cái quyền gì, mà do mấy cha Ba Tàu bịa ra cái câu ‘vật dưỡng nhơn’ rồi you dè tui ra, you cắt cổ, chiên xào nấu nướng tui. Nếu có vật nào mạnh lớn hơn...”.

“You dè you ra, nó giết nó, coi you là món ăn, you có chịu hay không?”.

Đó, nếu mấy con đó nó hỏi mình thì mình sẽ trả lời làm sao? Cho nên không có cái sợ nào bằng cái sợ chết hết. Trong khi đó mình đành lòng mình đoạt mạng người ta. Cái tội đó có đáng đi địa ngục hay không?

Còn nếu có vị nào nói không đáng thì tôi hỏi câu này: “Nếu hôm nay có cái tên nào nó dè mình ra, nó cắt cổ mình, có chịu không? Nó chích điện cho mình chết, nó lấy

búa nện đầu mình, thì mình có sợ hay không? Vậy tại sao mình làm chuyện đó với mấy loài khác?”. Cái chuyện đó là đủ đi địa ngục rồi.

2. Giới thứ hai là lấy của không cho

Điểm khác biệt giữa con người với con thú là con người phân biệt được cái nên và không nên. Các vị tướng tưng nếu trong xã hội loài người mà không có khái niệm về tư hữu thì chúng ta sẽ sống kiểu nào.

Trong lịch sử của khoa học và trong cả Kinh Phật đều cho mình biết có một thời nhân loại không có khái niệm tư hữu. Nhưng đó là một thời điểm đặc biệt nào đó, chớ từ thời có sử trở lại đây thì khái niệm tư hữu gắn liền với đời sống các cộng đồng nhân loại.

Một trong những giềng mối, là kỷ cương để được gọi là đời sống văn minh, chính là khái niệm tư hữu. Ở đây tôi đang nói theo đời, là có khái niệm tư hữu mình mới chịu siêng, chịu khó cày bừa. Chớ mình nghĩ cái gì cũng của đám đông thì mình khó nỗ lực lắm.

Chính từ ý niệm tư hữu người ta mới chịu nỗ lực bằng tay chân hay đầu óc, từ đó thế giới mới phát triển. Chính từ ý niệm tư hữu mới dẫn đến quyền sở hữu. Có quyền sở hữu nên ý niệm tư hữu được bảo vệ, thế giới mới không loạn.

Nói rõ ràng theo đạo giải thoát thì không nên có quyền tư hữu, không nên có quan niệm về quyền sở hữu. Tuy nhiên trên quan điểm đời thường thì quan niệm tư hữu, sở hữu là một phần giềng mối trong đời sống cộng đồng nhân loại.

Cho nên phân tích tới nơi tới chốn thì chuyện đoạt cướp, sang đoạt một vật mà nó thuộc quyền sở hữu của người khác thì là một tội ác. Nó làm chậm lại bước tiến của nền văn minh thế giới. Bởi vì nếu thế giới này mà mạnh ai nấy lấy, thích cái gì lấy cái đó, thì thành ra thế giới của loài súc vật, chớ không phải cộng đồng văn minh của loài người.

Cho nên chuyện lấy của người khác nó lớn chuyện lắm chứ không phải không. Nếu trong một xã hội mà trái cà, trái ớt của thằng Tèo không được tôn trọng, thì quý vị tưởng tượng tôi trồng cái gì mà tôi chỉ ăn được khi nhanh tay hái kịp — tuy chỉ trái cà, trái ớt thôi, giá trị vật chất không đáng — mà trể chút xíu bị người khác cuờm trên tay, thì các vị tưởng tượng coi tôi có chịu siêng để tôi trồng hay không? Mà khi nhà nhà, người người, cái quyền sở hữu không được tôn trọng thì đời sống nhân loại đi về đâu? Xã hội loạn, thế giới loạn.

3. Tội tà dâm

Tại sao tội tà dâm là tội đủ để đi địa ngục? Về vật chất, nó là tài sản của người khác; về tình cảm thì người hôn phối cũng là sở hữu của ai đó.

Có hai vấn đề: một, tà dâm là mình đang lạng lẽ gieo rắc sự tan vỡ trong gia đình người ta. Thứ hai là mình thiếu đi khả năng tự chủ, kiểm soát trong đời sống tình cảm, tình dục.

Hai lý do trên cho thấy mình với con thú không khác nhau. Riêng cái số 2 là coi như người ta nói XHCN là xếp hàng cả ngày, thì cái này mình xếp hàng con người xuống xếp hàng con chó đó!

4. Tội nói láo (musavada)

Nếu đơn giản nói dối, nói láo là nói sai sự thật thì nghe nó nhẹ lắm. Nhưng các vị biết thế giới hôm nay vì đâu mà người ta không tin nhau không? Nghĩ cái này thì thấy nó lớn chuyện lắm.

Vì đâu nói dối là con đường dẫn đến địa ngục? Có nhiều lý do để mình nói dối thì tác hại của chuyện nói dối cũng có nhiều.

Có khi nói dối để mà chơi. Có trường hợp nói dối để giải quyết vấn đề. Nhưng đa phần nói dối để hại người, nói dối để thu lợi cho bản thân. Trong tất cả các kiểu nói dối:

Nói dối để giải quyết công việc, mang tính kỹ thuật.

Nói dối cho vui, để giải trí.

Nói dối để thu lợi bản thân.

Nói dối để hại người.

Trong tất cả bốn cách nói dối này, cái nào đáng để đi địa ngục, các vị nghĩ đi. Nếu một câu nói dối mà tác dụng của nó chỉ dừng lại ở người nói và người nghe thì nó êm quá rồi. Nhưng mà không! Vấn đề nó như thế này: một gia đình, một tập thể mà ai cũng không tin được thì các vị nghĩ gia đình đó, tập thể đó đời sống nó phiền cỡ nào.

Chỉ riêng cái người có tật thích “nổ” thôi thì mình đã khổ rồi. Lúc nào họ cũng nói “dur” hết là mình đã khổ vì họ rồi, mặc dù họ vô hại, mà họ nổ riết mình không còn tin họ nữa. Thì nói chi một xã hội mà có quá nhiều người nói dối và với quá nhiều lý do tôi vừa đưa ra. Từ đó mới dẫn đến chuyện xã hội không tin nhau.

Cho nên từ câu nói dối của mỗi cá nhân dẫn đến chuyện là thiên hạ không còn tin nhau nữa. Về mặt này chúng ta phải nhìn nhận người Âu Mỹ khá. Họ nói dối ít hơn người châu Á. Châu Á nói dối rất là nhiều. Ngay trong xã hội VN, mình tiếp xúc trong chùa, ngoài chợ, các vị đều thấy người VN mình khuynh hướng nói dối rất là cao. Từ đó dẫn đến chuyện là mình bước ra khỏi nhà mình không còn tin ai được nữa. Nó lớn chuyện lắm!

Đây chính là lý do vì đâu nói dối được xem là con đường dẫn đến địa ngục: thứ nhất, nói dối là vì mình coi thường sự thật, coi thường chân lý. Thứ hai, mình nói dối để thu lợi hoặc để hại người. Tội đó nặng dữ lắm. Cuối cùng, tác hại của nói dối là làm xã hội không còn tin nhau nữa.

Lúc này mới thấy nói dối đã thành một căn bệnh trầm kha. Nó là một đại họa cho thế giới, cho nhân loại. Nó lớn chuyện như vậy! Một gia đình, một xã hội mà lời chân

thật không được tôn trọng sẽ dẫn đến nguy cơ, đến bị kích làm người ta không còn tin nhau nữa.

Tôi đã nói với các vị nhiều lần, tôi là một cư sĩ không gia đình, không bạn gái, tuy nhiên một tiêu chuẩn để tôi chọn bạn hay chọn người yêu, chọn vợ, thì chuyện đầu tiên không phải là nhan sắc, không phải là trí tuệ, không phải là tài sản, quyền lực, mà chuyện đầu tiên người đó phải là người chân thật.

Chẳng lẽ mai này mà họ có thương ai thì trước khi đầu tôi nhú cái sừng thì họ cũng về họ nói tôi trước một tiếng. Hoặc họ muốn lấy tiền bạc trong nhà của tôi để họ cho ai, họ cũng nói tôi dùm một tiếng. Tôi sợ nhất là cái người tôi không tin được.

5. Tại sao nghiện ngập các thứ gây say là con đường dẫn đến địa ngục?

Lý do thứ nhất, say sưa nghiện ngập đánh mất khả năng phản vệ. Bởi vì đời sống vốn dĩ đầy dẫy những bất trắc.

Bất trắc toàn tập ở trên đầu ta, chung quanh ta, dưới chân ta, bên tả bên hữu ta, luôn có những bất trắc sẵn sàng đổ ập xuống đầu ta. Trong sự bình tĩnh nhất của thần trí mà lắm khi ta không đủ sức phản vệ, phản ứng và tự vệ, thì nói chi ta đang trong một cơn say. Trong cơn say, khả năng phản vệ của ta coi như mất sạch.

Thứ hai, đánh mất khả năng suy tư. Chúng ta khác con thú ở khả năng biết suy tư. Mà bây giờ mắc nghiện vào một chất gây say là chúng ta đã đánh mất khả năng suy tư. Ta không còn khả năng phân biệt thiện ác, phải quấy, nên hay không nên nữa.

Thứ ba, được gọi là người lành hay người ác là phải nhắm vào hành động của người đó. Người đó nói cái gì, nghĩ gì, mà bây giờ bản thân ảnh say, không có tự lo được, thì làm sao ảnh lo cho người khác?

Giá trị của một con người không phải những thứ anh ta nhận được, mà là những thứ anh ta trao ra. Khi đang tỉnh thì mỗi người đã thiếu khả năng trao rồi, chỉ khả năng

nhận thôi. Mà khi anh ta nghiện ngập trong những thứ gây say, gây kích thích thì coi như khả năng trao ra càng ít đi. Thậm chí kết thúc không còn nữa.

Vậy chúng ta mất đi khả năng phản vệ, mất đi khả năng suy tư, mất đi khả năng trao ra và mất đi khả năng truyền thông với người khác. Thì hỏi mấy cái này cộng lại có đủ biến mình thành con thú hay chưa? Có nghĩa là mất đi khả năng phản vệ là đã nguy rồi. Thứ hai, mất đi khả năng suy tư, phân biệt thiện ác. Thứ ba là mất đi khả năng trao đổi, truyền thông với người khác. Thứ tư là mất đi khả năng trao ra. Mình sống không có hy hiến, sống không có đóng góp thì sống làm cái gì chật đất.

Tôi nói không biết bao nhiêu lần, có những người trong cuộc đời này, đời sống của họ chỉ là sự góp mặt chứ không phải sự đóng góp. Và cái chết của họ là sự vắng mặt chứ không phải là sự mất mát trong cuộc đời. Nói ra thì nó hơi tàn nhẫn nhưng là đúng sự thực.

Có những người đóng góp bằng cách họ sống, nhưng cũng có những người đóng góp bằng cách họ mất đi. Sự biến mất của họ là sự đóng góp. Không biết trong room có hiểu cái này không.

Căn nhà cũng vậy, có những món đồ nó mất đi lại là điều hay. Có nhiều thứ mất đi lại là sự không hay cho căn nhà. Nhưng phải có rất nhiều thứ nó phải mất đi. Chẳng hạn mấy hôm nay tôi về Thụy Sĩ, bây giờ tôi trở về Đức chiều nay. Nguyên một đồng rác nó bốc mùi, bây giờ không đem ra là tối nay miễn ngủ luôn. Thì cái thùng rác ấy là thứ biến mất càng sớm thì căn nhà của tôi càng được hay.

Và có những người trong cuộc đời này không có khả năng hy hiến, không có khả năng truyền thông, không có khả năng suy tư, không có khả năng phản vệ. Họ vừa có lỗi với bản thân họ, vừa có lỗi với đời. Cho nên đây là lý do vì đâu vi phạm 5 giới là con đường dẫn đến địa ngục.

Chúc các vị một ngày vui.